

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

Số: /ĐHH-ĐTCTSV
V/v tổ chức trao học bổng
Nguyễn Trường Tộ năm học 2025-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Các trường đại học thành viên;
- Trường Du lịch, các khoa thuộc Đại học Huế.

Đại học Huế phối hợp với Quỹ Y tế, Giáo dục và Văn hóa Việt Nam (VNHELP), Trung tâm Giáo dục nhân đạo Huế và Hội khuyến học Huế tổ chức Lễ trao học bổng Nguyễn Trường Tộ cho 150 sinh viên đang theo học tại các trường đại học thành viên, Trường Du lịch và các khoa thuộc Đại học Huế năm học 2025 – 2026 (*theo danh sách đính kèm*).

Thời gian: **16 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2026 (thứ Sáu)**

Địa điểm: **Hội trường Đại học Huế, 03 Lê Lợi, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.**

Trang phục: Nữ mặc áo dài truyền thống, nam mặc quần tây, áo sơ mi thắt caravat.

Lưu ý: Theo yêu cầu của nhà tài trợ, sinh viên vắng mặt tại buổi lễ xem như từ chối nhận học bổng.

Đại học Huế đề nghị các đơn vị thông báo cho sinh viên có trong danh sách nhận học bổng được biết và tham dự theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Bùi Văn Lợi (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTCTSV. NAQ.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO VÀ
CÔNG TÁC SINH VIÊN

Lê Văn Tường Lân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG NGUYỄN TRƯỜNG TỘ NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Công văn số /DHH-ĐTCTSV ngày tháng 01 năm 2026 của Đại học Huế)

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
1	Phạm Danh Vũ	23Y3020140	Răng - Hàm - Mặt	2029	2.61/4		Hộ nghèo	Thôn 10, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	0565884475	Trường ĐHYD	
2	Hà Thị Thanh Hiền	23Y3050043	Xét nghiệm y học	2027	2.08/4.0		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	xóm Hoa Thành, xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	0799022182	Trường ĐHYD	
3	Trần Lê Hà My	25Y1010260	Y khoa	2031		25.33/30	Hộ cận nghèo	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	0382845769	Trường ĐHYD	
4	Trần Ngọc Nam Trân	25Y6010157	Kỹ thuật xét nghiệm y học	2029		21.85/30	Hộ cận nghèo	Phường Vỹ Dạ, Thành Phố Huế	0774562644	Trường ĐHYD	
5	Dương Thị Quỳnh Như	25Y6010106	Kỹ thuật xét nghiệm y học	2029		19.6/30	Hộ cận nghèo	Thôn Vinh Quang - Xã Lê Ninh - Tỉnh Quảng Trị	0962491007	Trường ĐHYD	
6	Nguyễn Văn Đức	25Y5010018	Răng Hàm Mặt	2031		24.96/30	Hộ nghèo	Thôn Văn Thượng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	0862799401	Trường ĐHYD	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
7	Lê Việt Thành	25Y4010008	Dinh Dưỡng	2029		19.6/30	Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Chư Bô 1, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai	0845935187	Trường ĐHYD	
8	Nguyễn Thị Như Hoa	25Y5010034	Răng Hàm Mặt	2031		26.5/30	Hộ nghèo	Thôn Yên Diêm, xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0334052873	Trường ĐHYD	
9	Phan Khắc Hoài Ân	25Y2010002	Dược học	2025		23.47/30	Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn 1, Xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị	0973115131	Trường ĐHYD	
10	Phan Thị Hương Giang	25Y1010121	Y Khoa	2031		26.86/30	Gia đình khó khăn	Hà Tĩnh	0395635809	Trường ĐHYD	
11	Phạm Thị Hiếu	25Y5010033	Răng-Hàm-Mặt	2031		24.4/30	Hộ nghèo	Nghệ An	0348140248	Trường ĐHYD	
12	Nguyễn Thị Hoài Thảo	25Y1010376	Y Khoa	2031		26.13/30	Hộ cận nghèo	Bằng An Đông, Phường An Thắng, Thành Phố Đà Nẵng	0765620631	Trường ĐHYD	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
13	Lô Thị Thu Trang	25Y3010177	Y khoa	2029		18.35/30	Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Bản Bó, xã Mường Quảng, tỉnh Nghệ An	0342554973	Trường ĐHYD	
14	Nguyễn Thị Thanh Tâm	25Y3010148	Điều dưỡng	2029		21/30	Hộ cận nghèo	Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0364197425	Trường ĐHYD	
15	Phạm Thị Thanh Hằng	25Y3010048	Điều Dưỡng	2029		18/30	Hộ nghèo	Quảng Trị	0382889104	Trường ĐHYD	
16	Nguyễn Đăng Thịnh Phát	25Y2010128	Dược học	2030		26.13/30	Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thành phố Huế	0792309554	Trường ĐHYD	
17	Ngô Thị Thảo Nhi	22Y3080080	Y học cổ truyền	2029		3.35/4	Gia đình khó khăn	An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi	0943725741	Trường ĐHYD	
18	Đặng Thị Ngọc Hoa	22K4050114	Kế toán	2026	3,84/4		Hộ nghèo	Thôn Mỹ Đức, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị	0814858542	Trường ĐHKT	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
19	Nguyễn Thị Thanh Lam	22K4280086	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2026	3.86/4		Gia đình khó khăn	Thôn Vân Cù - Nam Thanh, Phường Kim Trà, Thành phố Huế	0338665909	Trường ĐHKT	
20	Chu Thị Hương	22K4160033	Thương mại điện tử	2026	8.85/10.0		Gia đình khó khăn	Thôn 12, Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	0822774099	Trường ĐHKT	
21	Nguyễn Trần Thị Phương	22K4050305	Kế toán	2026	3.36/4.0		Hộ nghèo	Xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị	0826408380	Trường ĐHKT	
22	Trần Gia Phúc Yên	22K4130121	Kiểm toán	2026	3.01/4		Gia đình khó khăn	Thôn Dương Nổ Đông, Phường Dương Nổ, Thành phố Huế	0349902752	Trường ĐHKT	
23	Nguyễn Thị Quý Thy	22K4090234	Marketing	2026	8.0/10.0		Gia đình khó khăn, Mồ côi	15 Vũ Phạm Khải, phường Thủy Xuân, thành phố Huế	0763750308	Trường ĐHKT	
24	Lê Thị Mỹ Duyên	23k4080010	Tin học kinh tế	2027	3.32/4.0		Gia đình khó khăn	Thôn Liên Xuân, phường Trần Phú, thành Phố Hà Tĩnh	0916980935	Trường ĐHKT	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
25	Võ Minh Hiệp	23K4280071	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	2027	7,17/10		Hộ cận nghèo	Tổ 11 Khu vực 6A Vĩ Dạ Huế	0766515251	Trường ĐHKT	
26	Hà Thị Mỹ Duyên	23k4090032	Marketing	2027	9.11/10		Hộ cận nghèo	Vĩnh Phong - Thị Trấn Nghèn - Xã Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh	0904704871	Trường ĐHKT	
27	Dương Thị Cẩm Ly	23K4040085	Kinh doanh thương mại	2027	2.95/4.0		Hộ nghèo	Phường Thủy Xuân, Thành phố Huế	0793982505	Trường ĐHKT	
28	Trần Phong Tuệ	23K4280284	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2027	83.46/4		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn Nhĩ Hạ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	0766623319	Trường ĐHKT	
29	Nguyễn Thị Mai	23K4280137	Logistics và QLCCU'	2027	8.97/10.0		Gia đình khó khăn	Xóm Tiến Thịnh - xã Trường Lưu - tỉnh Hà Tĩnh	0369803521	Trường ĐHKT	
30	Lê Thị Yến Nhi	23K4050242	Kế toán	2027	8.75/10		Gia đình khó khăn, Mồ côi	Tổ dân phố Nhất Phong, phường Phong Dinh, Thành phố Huế	0336423326	Trường ĐHKT	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
31	Đặng Mỹ Vy	24K4160303	Thương mại điện tử	2028	3.13/4.0		Hộ cận nghèo	Thôn Vĩnh Trà, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	0389408489	Trường ĐHKT	
32	Đàm Thị Yến Vy	24K4050471	Kế toán	2027	3.23/4.0		Hộ nghèo	Xóm Phúc Đông - Xã Hoà Trạch - Tỉnh Quảng Trị	0358646379	Trường ĐHKT	
33	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24K4050294	Kế toán	2028	2.4/4.0		Hộ nghèo	Quảng Trị	0343708025	Trường ĐHKT	
34	Vũ Thanh Hoa	24K4280064	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2028	3.13		Hộ cận nghèo	Thôn Kim Lâm Đồng xã Quảng Ngọc tỉnh Thanh Hoá	0918684836	Trường ĐHKT	
35	Trần Thị Quyên	24K4160208	Thương mại điện tử	2028	1.97/4.0		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn Trại tuần, xã Hương Xuân, Hà Tĩnh	0333558510	Trường ĐHKT	
36	Nguyễn Hoàng Tuyết Trinh	25K4160271	Thương mại điện tử	2029		21/30	Gia đình khó khăn, Mồ côi	Tổ dân phố Mậu Tài, Phường Dương Nỗ, Thành phố Huế	0793867975	Trường ĐHKT	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
37	Phạm Thị Thu Hằng	22F7010061	Sư phạm Tiếng Anh	2026	3.33/4.0		Mồ côi	Xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị	0763166681	Trường ĐHNN	
38	Tổng Thị Mai Trâm	22F7510531	Du lịch	2026	3.38/4.0		Hộ nghèo, Mồ côi	Thôn Vĩnh Lương Khê, Phú Hồ, Thừa Thiên Huế	0388017729	Trường ĐHNN	
39	Nguyễn Thị Lệ My	22F7540379	Ngôn Ngữ Trung/Phiên dịch	2026	3.74/4.0		Gia đình khó khăn	thôn An Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng	0383166004	Trường ĐHNN	
40	Phạm Thị Huyền	22F7560052	Ngôn ngữ Hàn Quốc	2026	2.59		Hộ cận nghèo	Thôn Viên - Giao An - Thanh Hóa	0335335006	Trường ĐHNN	
41	Lê Thị Huyền My	22F7560074	Ngôn ngữ Hàn Quốc	2026	3.88/4.0		Gia đình khó khăn	Tỉnh Quảng Trị	0974709073	Trường ĐHNN	
42	Hà Thị Hường	22F7560170	Tiếng Hàn	2026	3.52/4.0		Hộ cận nghèo	Thôn Giát- Xã Diên Lư- Tỉnh Thanh Hóa	0379365503	Trường ĐHNN	
43	Nguyễn Thị Ánh Hồng	22F7010075	Sư phạm tiếng Anh	2026	2.99		Mồ côi	Xã Hương Đô , Tỉnh Hà Tĩnh	0854210277	Trường ĐHNN	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
44	Lê Thị Quỳnh Hương	23F7010051	Sư phạm tiếng Anh	2027	3.24		Hộ cận nghèo	Thôn Đon Quế, Xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị	0853880559	Trường ĐHNN	
45	Đào Nguyễn Nhật Linh	23F7010076	Sư phạm Tiếng Anh	2027	3.44/4.0		Gia đình khó khăn, Mồ côi	Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0901868869	Trường ĐHNN	
46	Lò Minh Thuận	23F7540335	Biên dịch	2027	3.76/4.0		Hộ cận nghèo	Bản Tráng - Yên Thắng - Thanh Hoá	0865068641	Trường ĐHNN	
47	Hoàng Thị Ngọc Trâm	23F7540357	Tiếng Trung	2027	3.44/4.0		Hộ nghèo	Thôn 20 xã Ea Rôk huyện Ea Súp tỉnh Đắk Lắk	0853211066	Trường ĐHNN	
48	Hà Thị Đan Nhi	23F7510534	Ngôn ngữ Anh	2027	2.58		Hộ cận nghèo	Xóm Xạt, xã Tam hợp, tỉnh Nghệ An	0329337824	Trường ĐHNN	
49	Bùi Hoàng Anh Tú	24F7540358	Ngôn ngữ Trung Quốc	2028	4.0/4.0		Hộ nghèo	Thôn Nam Phổ Hạ, xã Lộc An, thành phố Huế	0866028802	Trường ĐHNN	
50	Đinh Thị Ánh Tuyết	24F7560162	Ngôn ngữ Hàn Quốc	2028	2.63/4.0		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn	Thôn 3 Bắc Sơn, xã Tuyên Lâm, tỉnh Quảng Trị	0379427136	Trường ĐHNN	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
51	Hồ Phương Thảo	24F7510780	Ngôn ngữ Anh	2028	3.81/4.0		Gia đình khó khăn	Kiệt 4, Tổ dân phố số 1, xã Khâm Đức, tp. Đà Nẵng	0343228469	Trường ĐHNN	
52	Hồ Thị Quyền	24F7510722	Ngôn ngữ Anh	2028	2.65/4.0		Hộ cận nghèo	Thôn Kỳ Nôi- Xã Lia- tỉnh Quảng Trị	0812281822	Trường ĐHNN	
53	Nguyễn Thị Khánh Hà	24F7540064	Văn hóa và ngôn ngữ Trung Quốc	2028	3.07		Gia đình khó khăn	Phường Đồng Hới , Tỉnh Quảng Trị	0799178062	Trường ĐHNN	
54	Nguyễn Thị Lệ Huyền	24F7510305	Ngôn Ngữ Anh	2028	3.08/4.0		Hộ cận nghèo	3/3 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Thủy, Thừa Thiên Huế	0328649247	Trường ĐHNN	
55	Trần Thị Yến Vy	24F7560172	Ngôn ngữ Hàn Quốc	2028	3.53/4.0		Gia đình khó khăn	UBND phường Hương An	0348941059	Trường ĐHNN	
56	Hoàng Nguyệt Như	24F7560101	Ngôn Ngữ Hàn Quốc	2028	3.13/4.0		Gia đình khó khăn	Thôn Đông Tuấn,Xã Tam Hải, Thành phố Đà Nẵng	0373569005	Trường ĐHNN	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
57	Trần Thị Hiền	24F7540087	Ngôn ngữ Trung Quốc	2028	4.0		Gia đình khó khăn, Mồ côi	Khối phố Hà Dừa, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng	328963660	Trường ĐHNN	
58	Bùi Thị Thanh Hằng	25F7540087	Ngôn ngữ Trung Quốc	2029		27.54/30	Hộ nghèo	Khối phố 9, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng	0364925442	Trường ĐHNN	
59	Phạm Thị Khánh Huyền	25F7510338	Ngôn ngữ Anh	2029		24/30	Hộ nghèo	Xã Mai Phụ - Tỉnh Hà Tĩnh	0336308423	Trường ĐHNN	
60	Nguyễn Thị Yến Nhi	25F7510641	Ngôn ngữ Anh	2029		24.82/30	Gia đình khó khăn, Sinh viên bệnh tật	Xóm Phụng Hoàng, xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An	0866584436	Trường ĐHNN	
61	Trần thị Quỳnh Nga	22A5020265	Luật Kinh tế	2026	3,02/4.0		Hộ nghèo	Thôn Xuân Bắc 3, Lệ Ninh, Quảng Trị	0862409472	Trường Đại học Luật	
62	Đoàn Thị Thùy Trang	22A5020765	Luật Kinh tế	2026	3.2/4.0		Hộ cận nghèo	Khu phố liên tri 2, xã Bình Kiến, phường Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk	0968088103	Trường Đại học Luật	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
63	Hoàng Thị Kim Nhung	23A5020503	Luật Kinh tế	2027	2.7/4.0		Hộ cận nghèo	Khu phố 6 Phường Đông Hà	0947404225	Trường Đại học Luật	
64	H' Trâm	23A5020237	Luật Kinh tế	2027	3.25/4.0		Gia đình khó khăn	Bon Ting Wêl Đăng, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	0898361281	Trường Đại học Luật	
65	Đinh Nữ Tú Trinh	23A5020741	Luật Kinh tế	2027	7.10/10		Hộ nghèo	Xuân hà 2, xã Phú Xuân, Đắk Lắk	0899383400	Trường Đại học Luật	
66	Vi Thành Đạt	23A5010098	Luật học	2027	2.32		Hộ cận nghèo	Bản kiềng, Xã châu tiến, Tỉnh nghệ an	0325789781	Trường Đại học Luật	
67	Đinh Thị Diệu Phúc	24A5010875	Luật học	2028	3.52/4.0		Hộ nghèo	Thôn Phú Hữu, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	0766672361	Trường Đại học Luật	
68	Hồ Thị Bích Gái	24a5020204	Luật Kinh tế	2028	2.06		Hộ cận nghèo	Nguồn Rào -Pin, Hường Phùng, Quảng Trị	0366682672	Trường Đại học Luật	
69	Huỳnh Thị Thu Phương	24A5020791	Luật Kinh tế	2028	2.1/4		Hộ nghèo	Xã Đinh Cương Quảng Ngãi	0777496109	Trường Đại học Luật	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
70	Lê Thị Huyền Trang	24A5021066	Luật Kinh tế	2028	8.22/10.0		Hộ nghèo	Thôn Đông Xá, xã Đức Thọ, Hà Tĩnh	0866452624	Trường Đại học Luật	
71	Ngô Hoàng Thùy Trâm	24A5011167	Luật học	2028	7.18/2.81		Hộ nghèo	Thôn Nhĩ Thượng, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	0828541106	Trường Đại học Luật	
72	Nguyễn Hương Giang	24A5020208	Luật Kinh tế	2027	3.11/4.0		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Xã Ninh Châu	0368517206	Trường Đại học Luật	
73	Nguyễn Lâm Hùng	24A5010387	Luật học	2028	3.23/4.0		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Sinh viên bệnh tật	TDP Long Thạnh 1, Phường Sa Huỳnh, Tỉnh Quảng Ngãi.	0335930837	Trường Đại học Luật	
74	Nguyễn Văn Đạt	24A5010183	Luật học	2026	1.95/4.0		Gia đình khó khăn	Phố hoàng xá, Xã Thanh Miện, Thành Phố Hải Phòng	0878348311	Trường Đại học Luật	
75	Phạm Đặng Văn Nhân	24A5020678	Luật Kinh tế	2028	2.5/4.0		Gia đình khó khăn	Xã Kim Trà, thành phố Huế	0363631935	Trường Đại học Luật	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
76	Trần Thị Thanh Tâm	24A5020887	Luật Kinh tế	2028	2,51/4		Gia đình khó khăn	Thôn Phi Thừa, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị	0795789152	Trường Đại học Luật	
77	Trương Bảo Trang	24a5021087	Luật Kinh tế	2029	2.48/4		Hộ nghèo	Cửa Việt - Gio Linh - Quảng Trị	0949856247	Trường Đại học Luật	
78	Võ Văn Thuận Thành	24A5020914	Luật Kinh tế	2028	2.98/4.0		Hộ cận nghèo	4/37 kiệt 37 Châu Sơn, Phường Hương Thủy, Thành phố Huế	0779485215	Trường Đại học Luật	
79	Y Biển	24A5020099	Luật Kinh tế	2028	2.19/4.0		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn	Kí túc xá khu a, trường bìa 42 Nguyễn Khánh toàn, phường an cựu, thành phố Huế	0375149844	Trường Đại học Luật	
80	Hoàng Kim Thiên	22T1020444	Khoa học máy tính	2026	3.79		Hộ cận nghèo	20 Tô Hiệu Hương Văn Hương Trà Thành phố Huế	0762657225	Trường ĐHKH	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
81	Ngô Thời Quang	22T1020714	Công nghệ phần mềm	2026	2.28		Hộ nghèo, Sinh viên khuyết tật	Tổ 1, TDP 3, Thị trấn A Lưới, Xã A Lưới, Thừa Thiên Huế	0824833419	Trường ĐHKH	
82	Nguyễn Trung Kiên	22t6110020	Truyền thông số	2026	3.28/4		Hộ nghèo	Thôn Nhĩ Trung, Quảng Trị	0395308413	Trường ĐHKH	
83	Đinh Thị Bình	22T6090031	Đông Phương học	2026	3.46/4.0		Hộ cận nghèo	Thôn Thanh Phúc ; Xã Đại Đồng ; tỉnh Nghệ An	0975668132	Trường ĐHKH	
84	Nguyễn Thị Trà My	22T1040029	Kiến trúc	2027	2.74/4.0		Hộ nghèo, Mồ côi	429 Lê Duẩn, Phường Phú Xuân, Thành phố Huế	0779482584	Trường ĐHKH	
85	Nguyễn Thị Thúy Hằng	22T6100012	Quản lý nhà nước	2026	3.85/4.0		Hộ cận nghèo	Khu phố Tây Trì, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0941 810 425	Trường ĐHKH	
86	Nguyễn Đình Cát Anh	23T2050002	Công nghệ kĩ thuật hoá học	2028	3.04/4.0		Gia đình khó khăn, Mồ côi	7 Nguyễn Đăng Thịnh, Hương An, thành phố Huế	0973285319	Trường ĐHKH	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
87	Hồ Thị Ngọc Hoa	23T6100010	Quản lý nhà nước	2027	2.58/4.0		Hộ nghèo	Thôn 3- Xã Đăk Kôi-Tỉnh Quảng Ngãi	0865208029	Trường ĐHKH	
88	Trần Hồ Nguyên Lý	23T6020009	Lịch sử	2027	3.38/4.0		Gia đình khó khăn	21 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Xuân, Thành phố Huế	0856347677	Trường ĐHKH	
89	Ngô Lê Nam Quyền	23T1020436	Công nghệ thông tin	2027	3.52/4.0		Gia đình khó khăn, Sinh viên khuyết tật, Sinh viên bệnh tật	Tổ 10, Phường Thanh Thủy, Thành phố Huế	0384805215	Trường ĐHKH	
90	Hồ Thị Nga	24T6050135	Báo chí	2029	2.82/4.0		Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Thôn Ta Cu/ Xã Khe Sanh/ Huyện Hướng Hoá/ Tỉnh Quảng Trị	0386276592	Trường ĐHKH	
91	Hồ Văn Lai	24T6050102	Báo chí	2028	2.33		Hộ nghèo	Thôn Cu Tài 2, Xã La Lay, Tỉnh Quảng Trị	0337475831	Trường ĐHKH	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
92	Nguyễn Hoàng Long	24t1020273	Công nghệ thông tin	2028	2.6/4		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	kiệt 557 Nguyễn Tất Thành tổ 5, phường Thanh Thủy, thành phố Huế	0986752502	Trường ĐHKH	
93	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	24T2050022	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2029	3.24 / 4.0		Hộ nghèo	2/63 Tân Đà, phường Hương Sơ, quận Phú Xuân, thành phố Huế	0368096760	Trường ĐHKH	
94	Phan Minh Tài	24T6050210	Báo chí	2028	2.42/4.0		Mồ côi	142 Trần Quốc Toàn	0916343559	Trường ĐHKH	
95	H Sa Du	24T6050035	Báo chí	2028	3.73/4.0		Hộ cận nghèo	Buôn Jatu, xã Đăk Liêng, tỉnh Đăk Lăk	0344217421	Trường ĐHKH	
96	Hồ Thị Mai	24T6070024	Xã hội học	Năm 4	3.00/4.0		Hộ cận nghèo	Thôn Đại Độ, xã Hường Phùng, huyện Hường Hoá, tỉnh Quảng Trị	0975514910	Trường ĐHKH	
97	Lê Đăng Thiên	24T1050068	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn Thông	2029	3.09		Gia đình khó khăn	Xóm 12, xã Hương Bình, tỉnh Hà Tĩnh	0387989906	Trường ĐHKH	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
98	Lê Phúc Duy Anh	25T6090002	Đông phương học	2029		28.83	Hộ cận nghèo	Thôn Phan Xá - Xã Xuân Thủy - Huyện Lệ Thủy - Tỉnh Quảng Bình	0397874908	Trường ĐHKH	
99	Hồ Văn Oanh	25T6050216	Báo chí	2029		27.15	Hộ nghèo	Thôn 37 Xã Húc Nghi, Huyện Đakrông , Tỉnh Quảng Trị	0942531446	Trường ĐHKH	
100	Trần Ngọc Hiến	25t1110009	Quản trị và phân tích dữ liệu	2029		22.88	Hộ cận nghèo	Hà Lợi Trung - Trung Giang - Gio Linh - Quảng Trị	0878010057	Trường ĐHKH	
101	Lữ Thị Hồng Giang	25t6010027	Văn học	2028		26.85	Hộ nghèo	Bản Mới - Châu Phong - Quỳnh Châu - Nghệ An	0334921406	Trường ĐHKH	
102	Nguyễn Vũ Mạnh Cường	25T6050034	Báo chí	2029		25.27	Sinh viên khuyết tật	Thôn Quảng Hoá xã Lê Hoá Huyện Tuyên Hoá Tỉnh Quảng Bình	0984976176	Trường ĐHKH	
103	Nguyễn Hữu Lân	22S5040040	GDCD	2026	2.76/4		Gia đình khó khăn	2/21 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Xuân, TP Huế	0961706802	Trường ĐHSP	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
104	Nguyễn Thị Hoài Châu	23S6020003	Lịch sử	2027	2.7		Hộ nghèo	Xã Trà Liên, thành phố Đà Nẵng	0356482532	Trường ĐHSP	
105	Vì Thị Hằng	23S5010022	Tâm lý học giáo dục	2027	2.84/4.0		Hộ nghèo	Lâu Quán- Thanh Quân- Thanh Hóa	0866939628	Trường ĐHSP	
106	Hồ Thị Pai	23S6050052	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	2027	8.62/10.0		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn Tân Đi 1- Xã Tà Rụt - Tỉnh Quảng Trị	0967584501	Trường ĐHSP	
107	Võ Thị Bé	23S6050004	Lịch sử và Địa lý	2026			Hộ nghèo	Thôn 1 xã trà liên thành phố Đà nẵng	0373334325	Trường ĐHSP	
108	Hồ Thị Hạnh	23S9020026	Mầm non	2027	2.57/4		Hộ nghèo	A Dơi - Hướng Hóa - Quảng Trị	0349866695	Trường ĐHSP	
109	Hoàng Thị Hoài	24S5010057	Tâm lý học giáo dục	2028	2.6/4.0		Hộ nghèo	Thôn Hà Thanh - Xã Gio Linh	0858108557	Trường ĐHSP	
110	Hồ Thị Kim Cúc	24S9020022	Giáo dục Mầm non	2028	6.06/10		Hộ nghèo	Thôn Nguồn rào, xã Hướng Sơn-huyện Hướng Hoá	0329821694	Trường ĐHSP	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
111	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24S2010009	Sư phạm Hóa học	2028	7.55		Hộ nghèo	Kim Long, Vĩnh Định, Quảng Trị	0848120036	Trường ĐHSP	
112	Lê Phương Thùy	24S1010062	Sư phạm Toán học	2028	3.59/4.0		Hộ nghèo	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	0916862845	Trường ĐHSP	
113	Lữ Văn Tuất	24S6010116	Sư phạm Ngữ văn	2028	2.67/4.0		Hộ nghèo	Khối Hồng Phong, xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	0343120063	Trường ĐHSP	
114	Phạm Thị Tuyết	24S9010209	Giáo dục Tiểu học	2028	3.53/4		Hộ nghèo	Thôn Yên Giang- Xã Hồng Lộc- Tỉnh Hà Tĩnh	0904713592	Trường ĐHSP	
115	Y Lê Na	24S5030011	Quốc Phòng - An Ninh	2028	9.01/10		Hộ nghèo, Gia đình khó khăn	Thôn Đăk puhih, xã Kon Braih, Tỉnh Quảng Ngãi	0336063608	Trường ĐHSP	
116	Đinh Tiên Hoàng	25C9020016	Giáo dục thể chất	2029		21.41	Hộ cận nghèo	Thôn Làng Già, Xã Sơn Ba, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi	0376343342	Trường ĐHSP	
117	Hoàng Văn Quốc	25S1030021	Sư phạm Vật lý	2029		26.08	Hộ cận nghèo	Xã Thiên Cầm, Tỉnh Hà Tĩnh	0862997322	Trường ĐHSP	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
118	Nguyễn Mai Anh	25S1070007	Sư phạm khoa học tự nhiên	2029		23.5	Hộ cận nghèo	Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An	0968189160	Trường ĐHSP	
119	Trần Thị Cẩm Nhung	25S1080029	Hệ thống thông tin	2029		17.5	Hộ cận nghèo	Giáp Tây, phường Kim Trà thành phố Huế	0387116410	Trường ĐHSP	
120	Nguyễn Phương Thảo	25S9010239	Giáo dục Tiểu học	2029		27.82	Hộ nghèo	Thôn Thọ Lộc xã Sơn Tiến tỉnh Hà Tĩnh	0392831064	Trường ĐHSP	
121	Lê Thị Kim Sang	23D4010292	Quản lý lữ hành	2027	2.65/4.0		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	115 Lý Thần Tông, Hương Chữ, Kim Trà, Tp Huế	0799409336	Trường Du lịch - ĐHH	
122	Giàng Cổ Lan	23D4010120	Quản lý lữ hành	2027	2.96		Gia đình khó khăn	Bản si trâu chải xã bum tờ huyện mừng tê tỉnh Lai Châu	0862682545	Trường Du lịch - ĐHH	
123	Trần Thị Như Phượng	23D4020094	Truyền thông và marketing du lịch	2027	3.88/4.0		Hộ cận nghèo	Khu phố 2, phường Nam Đông Hà, Quảng Trị	0813484273	Trường Du lịch - ĐHH	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
124	Đoàn Thị Quỳnh Như	23D4010249	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2027	2.63		Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn 1, xã Triệu Cơ, tỉnh Quảng Trị	0399956325	Trường Du lịch - ĐHH	
125	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	24D4010267	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2028	3.90/4.0		Hộ cận nghèo	Tổ 5-KV2, phường Hương An, quận Phú Xuân, TP Huế	0812242059	Trường Du lịch - ĐHH	
126	Nông Đức Tài	24D4010380	Lữ hành 4	2027	1.45		Gia đình khó khăn	Thôn 9 xã Eawy EaHleo Đắk Lắk	0837617865	Trường Du lịch - ĐHH	
127	Lê Thị Thuỷ Tiên	24D4040166	Du lịch	2028	2.56/4.0		Mồ côi	8/3 Lương Văn Can, An Cựu Huế	0375469380	Trường Du lịch - ĐHH	
128	Hồ Thị Cheng	24D4060010	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống	2028	2.28/4		Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Thôn CuTy, xã Tân Lập, Tỉnh Quảng Trị	0564634902	Trường Du lịch - ĐHH	
129	Nguyễn Khoa Thị Mến	21L3070021	Thú y	2026	3.33		Gia đình khó khăn	TDP Đức Phú, Phường Phong Dinh, Thị xã Phong Điền, Thành phố Huế	0971512504	Trường ĐHNL	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
130	Tôn Thất Cường	21L3080009	Nuôi trồng thủy sản	2026	8,31/10		Hộ cận nghèo	TDP An Hoà- Phường Hương An- TP Huế	0812877810	Trường ĐHNL	
131	Nguyễn Văn Phong	23L1040018	Kỹ thuật Cơ điện tử	2028	3.45/4.0		Hộ cận nghèo	An Lưu, Phú Mỹ, Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0367559818	Trường ĐHNL	
132	Trần Thị Thiện	23L3070133	Thú y	2028	3.59/4		Hộ cận nghèo	Xã Triệu Cơ, tỉnh Quảng Trị	0332532317	Trường ĐHNL	
133	Nguyễn Thị Huyền Trang	23L3070143	Thú y	2028	9.1		Hộ cận nghèo	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	0942271936	Trường ĐHNL	
134	Nguyễn Trọng Phú	23L3070102	Thú y	2028	5.10/10		Hộ cận nghèo	131 Nguyễn Trãi, Phường Quảng Trị	0377732925	Trường ĐHNL	
135	Phan Trần Bảo Ngọc	23L1030039	Công nghệ thực phẩm	2028	7.62		Hộ cận nghèo	Tổ dân phố 2, Phường Đức Phổ, Quảng Ngãi	0945128606	Trường ĐHNL	
136	Hoàng Thị Quỳnh	23L1030057	Công nghệ thực phẩm	2028	7.51/10.0		Gia đình khó khăn	Thôn 3 / IaĐal / Quảng Ngãi	0374429031	Trường ĐHNL	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
137	Trần Thị Cẩm Ly	24L1030028	Công nghệ thực phẩm	2029	3.29/4.0		Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn, Mồ côi	Thôn Lộc Tây, xã Nông Sơn, TP Đà Nẵng	0817561620	Trường ĐHNL	
138	Đình Võ Nhật Huy	24L1020012	CNKTC 58	2029	1.62/4		Hộ nghèo	Mậu tài - Phú Mậu - phường Dương Nỗ - Thành phố Huế	0934975130	Trường ĐHNL	
139	Lê Thắng Đức	24L3070208	Thú Y	2029	7.46/10.0		Hộ cận nghèo	Xuân Hối, xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị	0394064304	Trường ĐHNL	
140	Nguyễn Quang Sang	24L3140021	Quản lý thủy sản	2028	5.87/10		Hộ nghèo	Kiệt 129 Sông Bồ, phường Hương Trà- Thành Phố Huế	0356685923	Trường ĐHNL	
141	Y Đào	24L4030001	Nông nghiệp công nghệ cao	2029	8,95/10		Gia đình khó khăn	Thôn 7- Xã Đăk R Ve - Tỉnh Quảng Ngãi	0865393025	Trường ĐHNL	
142	Bhnróch Kim	24L3130018	Lâm Nghiệp	2028	2.34/4.0		Gia đình khó khăn	Thôn Ra Núi, xã Sông Kôn, thành phố Đà Nẵng	0342446814	Trường ĐHNL	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
143	Phan Quốc Minh	25L4030016	Ngành Nông Nghiệp Công Nghệ Cao	2029		17.5	Mồ côi	Xóm 2 tpd triều sơn nam phường hoá châu TP Huế	0339824575	Trường ĐHNL	
144	Thạch Thị Ánh Tuyết	25L3020031	Bảo Vệ Thực Vật	2029		21.5	Hộ cận nghèo, Gia đình khó khăn	Ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thành, Hậu Giang	0395578922	Trường ĐHNL	
145	Nguyễn Thị Quỳnh Phụng	22I1010031	Quan hệ Quốc tế	2026	9.35/10		Hộ cận nghèo	14/35 Ngự Bình, phường An Cựu, TP Huế	0763752204	Khoa Quốc tế - Đại học Huế	
146	Nguyễn Hoài Phương Uyên	23I1020152	Truyền thông đa phương tiện	2027	3.71		Gia đình khó khăn	Số 9 kiệt 24 Lê Huân, quận Phú Xuân	0935324755	Khoa Quốc tế - Đại học Huế	
147	Trần Thị Trang	24I1020202	Truyền thông đa phương tiện	2028	3.17/4.0		Gia đình khó khăn, Mồ côi	Phường Phú Xuân, Huế	0394496530	Khoa Quốc tế - Đại học Huế	

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Chuyên ngành	Năm dự kiến tốt nghiệp	Điểm trung bình tích lũy	Điểm thi/Điểm tối đa /30	Hoàn cảnh gia đình	Địa chỉ	Số điện thoại	Đơn vị	Ghi chú
148	Phan Lâm Vũ	23E1050030	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2027	3.0		Hộ nghèo	Số nhà 20 ngõ 15 đường Vũ Trọng Phụng , phường Đồng Hới , Tỉnh Quảng Trị	0398074710	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - ĐH Huế	
149	Trương Doãn	24E1050007	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2029	2.0		Hộ nghèo	Thôn Mỹ Hà- xã Tân Mỹ- tỉnh Quảng Trị	0904998153	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - ĐH Huế	
150	Nguyễn Quang Huy	25E1080048	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	2030		24.50/30	Hộ nghèo, Sinh viên khuyết tật	Phường Phú Xuân, Tp Huế	0779596200	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - ĐH Huế	

Danh sách này gồm có 150 sinh viên./.